

Số: 674/2019/QĐST-HNGĐ

Dĩ An, ngày 23 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 925/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 15, xã H, huyện D, tỉnh L; tạm trú: 22/25 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B;

2. Anh Phạm Công Đ, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 2, xã H, huyện D, tỉnh L; tạm trú: 22/25 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 13 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Phạm Công Đ thuận tình ly hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016, quyển số 01 ngày 11/01/2016 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh L cấp).

- Về con chung: Anh Phạm Công Đ đồng ý giao 01 người con chung tên là Phạm Vũ Khôi N, sinh ngày 28/4/2017 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Công Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Vũ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Công Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trên thì hàng tháng anh Đ còn phải trả cho chị Vũ Thị N khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Công Đ có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Vũ Thị N không có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Vũ Thị N và anh Phạm Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị N và anh Phạm Công Đ chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029263 ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh L;
- Lưu: VT, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Thanh